

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**Cho kỳ kế toán từ 01/10/2019 đến ngày 31/12/2019**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 27

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/10/2019 đến ngày 31/12/2019.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Ngọc Thùy	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Quách Mạnh Hòa	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Sang Ho Jung	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị

#### **Ban Điều hành**

Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Mỹ Nga	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<b><u>Họ và tên</u></b>	<b><u>Chức vụ</u></b>
Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/10/2019 đến ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/10/2019 đến ngày 31/12/2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam (trình bày Chế độ Kế toán Công ty áp dụng) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



---

**Vũ Cẩm La Hương**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>25.565.641.977</b>	<b>58.740.422.593</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>414.461.715</b>	<b>30.043.826.572</b>
1. Tiền	111	4	414.461.715	30.043.826.572
<b>II Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>25.151.180.262</b>	<b>28.696.596.021</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	10.501.000.000	17.306.771.200
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		124.240.000	125.500.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	10.770.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	16.525.940.262	494.324.821
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(2.000.000.000)	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.498.967.089.595</b>	<b>1.002.689.969.066</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>42.330.000.000</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	42.330.000.000	-
<b>I Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>849.117.909</b>	<b>648.566.996</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	849.117.909	648.566.996
- Nguyên giá	222		1.139.016.215	802.350.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(289.898.306)	(153.783.913)
<b>II Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>838.998.182</b>	<b>838.998.182</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	838.998.182	838.998.182
<b>III Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10</b>	<b>1.454.858.948.141</b>	<b>1.001.115.346.688</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.471.038.932.350	1.010.776.840.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		599.100.000	599.100.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(16.779.084.209)	(10.260.593.312)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>90.025.363</b>	<b>87.057.200</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		90.025.363	87.057.200
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.524.532.731.572</b>	<b>1.061.430.391.659</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>585.908.976.435</b>	<b>217.710.528.747</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>482.653.974.824</b>	<b>12.627.362.080</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	2.340.582.937	54.882.648
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		50.000.000	50.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	2.889.355.305	8.064.453.807
4. Phải trả người lao động	314		499.285.205	672.088.211
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	4.352.359.042	699.623.288
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	98.422.392.335	86.314.126
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	374.100.000.000	3.000.000.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>103.255.001.611</b>	<b>205.083.166.667</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	103.255.001.611	205.083.166.667
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>938.623.755.137</b>	<b>843.719.862.912</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>938.623.755.137</b>	<b>843.719.862.912</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		815.897.350.000	688.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		815.897.350.000	688.800.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		65.976.720.000	90.074.070.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56.749.685.137	64.845.792.912
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421		2.853.792.912	10.187.295.584
- LNST chưa phân phối kỳ này	421		53.895.892.225	54.658.497.328
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.524.532.731.572</b>	<b>1.061.430.391.659</b>



Vũ Cẩm La Hương  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2020

Nguyễn Mạnh Phú  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải  
 Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Cho kỳ kế toán từ 01/10/2019 đến ngày 31/12/2019

Đơn vị: VND

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2019	Quý 4 năm 2018	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.910.000.000	30.218.160.754	50.882.193.636	92.624.863.481
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	17	5.910.000.000	30.218.160.754	50.882.193.636	92.624.863.481
4. Giá vốn hàng bán	11	18	1.081.694.932	310.963.441	3.855.252.408	1.521.416.395
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4.828.305.068	29.907.197.313	47.026.941.228	91.103.447.086
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	7.240.181.718	262.682.090	42.411.909.326	1.694.514.450
7. Chi phí tài chính	22	20	21.357.608.962	12.966.576.106	19.838.883.527	16.372.343.292
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.759.292.960	2.676.286.994	12.050.560.837	5.946.089.370
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	5.666.518.140	2.548.243.177	12.198.287.326	7.981.072.811
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 26)	30		(14.955.640.316)	14.655.060.120	57.401.679.701	68.444.545.433
11. Chi phí khác	32		29.061.488	42.259.005	56.043.120	42.259.005
12. Lợi nhuận khác (40 = - 32)	40		(29.061.488)	(42.259.005)	(56.043.120)	(42.259.005)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(14.984.701.804)	14.612.801.115	57.345.636.581	68.402.286.428
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	0	2.931.012.024	3.449.744.356	13.743.789.100
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(14.984.701.804)	11.681.789.091	53.895.892.225	54.658.497.328



Vũ Cẩm La Hương  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2020

Nguyễn Mạnh Phú  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>57.345.636.581</b>	<b>68.402.286.428</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	136.114.393	80.235.084
- Các khoản dự phòng	03	8.518.490.897	10.169.270.312
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(42.411.909.326)	(1.658.514.450)
- Chi phí lãi vay	06	13.222.395.781	5.946.089.370
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>36.810.728.326</b>	<b>82.939.366.744</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(44.765.612.655)	(7.590.266.172)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	98.850.586.843	2.730.971.797
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.968.163)	6.462.622
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9.813.320.427)	(5.428.466.082)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.200.000.000)	(16.077.109.658)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>74.879.413.924</b>	<b>56.580.959.251</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(336.665.306)	(800.000.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	(162.163.175.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20.770.000.000	151.393.175.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(461.003.599.692)	(188.785.840.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	36.364.445.082	1.580.290.879
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(414.205.819.916)</b>	<b>(198.775.549.121)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	103.000.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	393.628.000.000	228.353.166.667
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(125.528.000.000)	(20.270.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(61.402.958.865)	(68.880.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>309.697.041.135</b>	<b>139.203.166.667</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(29.629.364.857)</b>	<b>(2.991.423.203)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>30.043.826.572</b>	<b>33.035.249.775</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>414.461.715</b>	<b>30.043.826.572</b>



Vũ Cẩm La Hương  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2020

Nguyễn Mạnh Phú  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải  
Người lập



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần thứ 10 ngày 31/10/2019 với vốn điều lệ của Công ty là 815.897.350.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 22 người (tại ngày 01/01/2019 là 17 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học; Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống);
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng**

Trong năm, Công ty đã thực hiện thanh lý toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH Apax Franklin Academy theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Đến thời điểm ngày 31/12/2019, Công ty có 04 công ty con là:

- Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 79,69%.
- Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 95,49%.
- Công ty Cổ phần English Now Global với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 51%.
- Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 51%.

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20/11/2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý (Tiếp theo)**

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại khoản 2, Điều 5 “Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư” của Thông tư số 48/2019/TT-BTC về việc Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp có hiệu lực từ ngày 10/10/2019

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### *Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá.

##### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

##### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

##### **Nợ phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

##### **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Trái phiếu phát hành**

Công ty đã phát hành trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, nhưng trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ;
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ghi nhận giá vốn**

Hoạt động kinh doanh: Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn xúc tiến thương mại và giới thiệu khách hàng do Công ty thực hiện trực tiếp, theo đó giá vốn của các hoạt động này chủ yếu là chi phí nhân công trực tiếp; Chi phí nhân công trực tiếp được xác định bằng 60% tổng chi phí tiền lương của toàn Công ty theo Quyết định số 05-01/2017/QĐ-TGD ngày 05/01/2017 của Tổng Giám đốc Công ty. Giá vốn được ghi nhận tương ứng với doanh thu khi dịch vụ tư vấn đã hoàn thành thành, chuyển giao cho đối tác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Chủ sở hữu 66,66% vốn điều lệ của Công ty;
- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax: Công ty con của Công ty;
- Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten: Công ty con của Công ty;
- Công ty Cổ phần English Now Global: Công ty con của Công ty;
- Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia: Công ty con của Công ty;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các bên liên quan (Tiếp theo)**

- Các công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Cùng chủ sở hữu;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty.

**4. TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	175.029.462	173.400.743
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	239.432.253	29.870.425.829
<b>Cộng</b>	<b><u>414.461.715</u></b>	<b><u>30.043.826.572</u></b>

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>	<b><i>10.501.000.000</i></b>	<b><i>17.306.771.200</i></b>
Công ty Cổ phần Đầu tư An toàn Safeinvest	6.501.000.000	-
Công ty TNHH Phúc Hưng	-	5.686.771.200
Công ty Cổ phần ĐT và TV Kim Cương	-	7.620.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (i)	4.000.000.000	4.000.000.000

**Ghi chú:**

- (i) Khoản phải thu khó đòi, Công ty đã tiến hành đánh giá trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2019 .

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**6. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>16.525.940.262</b>	<b>-</b>	<b>494.324.821</b>	<b>-</b>
Tạm ứng	8.621.708.511	-	155.921.850	-
Cầm cố, ký cược, ký quỹ	42.915.000.000	-	5.000.000	-
- Các đối tượng khác	585.000.000	-	5.000.000	-
Phải thu khác	7.319.231.751	-	333.402.971	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten	-	-	278.450.556	-
- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax (ii)	6.325.914.800	-	-	-
- Các đối tượng khác	993.316.951	-	54.952.415	-
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>	<b>42.330.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cầm cố, ký cược, ký quỹ dài hạn	42.330.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam (i)	42.330.000.000	-	-	-
<b>c) Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan</b>	<b>7.319.231.751</b>	<b>-</b>	<b>278.450.556</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten	-	-	278.450.556	-
- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax (ii)	6.325.914.800	-	-	-
- Công ty Cổ phần English Now Global	859.702.542	-	-	-
- Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia	133.614.409	-	-	-

**Ghi chú:**

- (i) Khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam theo Thỏa thuận hợp tác số 50/2019/TTHT/TG-APAX ngày 10/06/2019 về việc nhận chuyển nhượng “phần dự án trường học” trên khu đất thực hiện dự án: Tổ hợp công trình hỗn hợp thương mại dịch vụ, văn phòng, nhà ở, nhà trẻ và trường học tại số 423 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy. Tiến độ hoàn thành sẽ là trong quý 4 năm 2020.
- (ii) Khoản phải thu là cổ tức được chia từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax. Số tiền cổ tức Công ty được chia là 40.060.914.800 VND, số cổ tức đã nhận được 33.735.000.000 VND.

**7. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	4.000.000.000	2.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
	<b>4.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	802.350.909	-	802.350.909
Tăng do mua sắm	-	336.665.306	336.665.306
Số cuối năm	<u>802.350.909</u>	<u>336.665.306</u>	<u>1.139.016.215</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số đầu năm	153.783.913	-	153.783.913
Khấu hao trong năm	80.235.087	55.879.306	136.114.393
Số cuối năm	<u>234.019.000</u>	<u>55.879.306</u>	<u>289.898.306</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số đầu năm	<u>648.566.996</u>	-	<u>648.566.996</u>
Số cuối năm	<u>568.331.909</u>	<u>280.786.000</u>	<u>849.117.909</u>

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Triển khai hệ thống phần mềm quản lý FSOFT	838.998.182	838.998.182
<b>Cộng</b>	<u>838.998.182</u>	<u>838.998.182</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (i) VND	Giá gốc VND
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào công ty con	<b>1.471.038.932.350</b>	<b>(16.653.984.209)</b>		<b>1.010.776.840.000</b>
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	1.280.576.840.000	-		930.776.840.000
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten (i)	168.500.000.000	(15.052.933.444)		60.000.000.000
Công ty TNHH Apax Franklin Academy	-	-		20.000.000.000
Công ty Cổ phần English Now Global (ii)	21.158.492.658	(1.470.804.399)		-
Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia (iii)	803.599.692	(130.246.366)		-
- Đầu tư vào đơn vị khác	<b>599.100.000</b>	<b>(125.100.000)</b>		<b>599.100.000</b>
Công ty Cổ phần May Nam Định	360.000.000	-		360.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng X18	125.100.000	(125.100.000)		125.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Tây Hồ	114.000.000	-		114.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.471.638.032.350</b>	<b>(16.779.084.209)</b>		<b>1.011.375.940.000</b>

Ghi chú:

- (i) Khoản đầu tư vào các Công ty con phát sinh lỗ trong kế hoạch nên Công ty không trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư này. Theo khoản 2, Điều 5 “Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư” của Thông tư số 48/2019/TT-BTC về việc Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp có hiệu lực ngày 10/10/2019, Công ty đã trích dự phòng các khoản đầu tư chi tiết như sau:
- Trích dự phòng khoản đầu tư vào CTCP Phát triển Giáo dục Igarten: toàn bộ lỗ lũy kế từ ngày thành lập 25/11/2016 đến 31/12/2019 là 15.052.933.444 VND.
  - Trích dự phòng khoản đầu tư vào CTCP English Now Global: toàn bộ lỗ lũy kế từ ngày thành lập 31/07/2019 đến 31/12/2019 là 1.470.804.399 VND
  - Trích dự phòng khoản đầu tư vào CTCP Trường liên cấp Firbank Australia: toàn bộ lỗ lũy kế từ ngày thành lập 30/08/2019 đến 31/12/2019 là 130.246.366 VND

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

b) Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2019 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	48.769.384	79,69%	79,69%	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dụcgarten	Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội	16.850.000	95,49%	95,49%	Giáo dục mầm non
Công ty Cổ phần English Now Global	Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	2.115.849	51,00%	51,00%	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu
Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia	Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	80.360	51,00%	51,00%	Giáo dục nhà trẻ Giáo dục mẫu giáo Giáo dục tiểu học Giáo dục trung học cơ sở Giáo dục trung học phổ thông

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải trả người</b>	<b>2.340.582.937</b>	<b>2.340.582.937</b>	<b>54.882.648</b>	<b>54.882.648</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Egroup	-	-	42.034.182	42.034.182
Công ty Cổ phần Quản lý tài sản Dzambala	1.302.917.400	1.302.917.400	-	-
Chi nhánh Công ty TNHH PwC Việt Nam	793.723.700	793.723.700	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bộ Ba	188.941.837	188.941.837	-	-
Các đối tượng khác	55.000.000	55.000.000	12.848.466	12.848.466
<b>b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>42.034.182</b>	<b>42.034.182</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Egroup	-	-	42.034.182	42.034.182

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	2.964.463.463	5.097.919.364	7.601.498.132	460.884.695
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.935.180.535	3.449.744.356	6.200.000.000	2.184.924.891
Thuế thu nhập cá nhân	164.809.809	1.755.254.186	1.676.518.276	243.545.719
Các loại thuế khác	-	28.127.310	28.127.310	-
<b>Cộng</b>	<b>8.064.453.807</b>	<b>10.331.045.216</b>	<b>15.506.143.718</b>	<b>2.889.355.305</b>

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4.352.359.042</b>	<b>699.623.288</b>
Trích trước chi phí thường	626.305.757	-
Trích trước chi phí thù lao HĐQT & BKS	384.000.000	-
Lãi trái phiếu	299.178.082	567.123.288
Trích trước chi phí lãi tiền vay	2.637.685.616	132.500.000
Chi phí phải trả khác	405.189.587	-
<b>Cộng</b>	<b>4.352.359.042</b>	<b>699.623.288</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**14. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>98.422.392.335</b>	<b>86.314.126</b>
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	33.351.200	79.586.068
Các khoản phải trả, phải nộp khác	98.389.041.135	6.728.058
- Ông Nguyễn Ngọc Thủy - bên liên quan (i)	97.800.000.000	-
- Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (chưa đến nhận cổ tức)	589.041.135	-
- Các đối tượng khác	-	6.728.058

**Ghi chú:**

- (i) Khoản phải trả theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần Anh ngữ Apax số 3012/2019/HĐCN-APAX ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa ông Nguyễn Ngọc Thủy và Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings, khoản này đã được thanh toán trong tháng 1/2020.

**15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>374.100.000.000</b>	<b>374.100.000.000</b>	<b>393.628.000.000</b>	<b>22.528.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax (i)	349.600.000.000	349.600.000.000	349.600.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Ông Hoàng Hồng Trung	-	-	300.000.000	300.000.000	-	-
Công ty cổ phần đầu tư Eduland	-	-	19.228.000.000	19.228.000.000	-	-
Trương Thị Tâm (ii)	24.500.000.000	24.500.000.000	24.500.000.000	-	-	-
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>103.255.001.611</b>	<b>103.255.001.611</b>	<b>1.171.834.944</b>	<b>103.000.000.000</b>	<b>205.083.166.667</b>	<b>205.083.166.667</b>
Trái phiếu phát hành (iii)	103.255.001.611	103.255.001.611	1.171.834.944	103.000.000.000	205.083.166.667	205.083.166.667
<b>c) Trong đó: vay ngắn hạn là các bên liên quan</b>	<b>349.600.000.000</b>	<b>349.600.000.000</b>	<b>349.600.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	349.600.000.000	349.600.000.000	349.600.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000

**Ghi chú:**

- (i) Hợp đồng vay tiền số 16.12/2019/HĐVV/AE-AH ngày 16/12/2019 với Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax. Tổng hạn mức vay 350.000.000.000 VND, cho vay theo từng lần trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân với lãi suất 8,5%/năm, lãi vay thanh toán khi hết hạn hợp đồng, mục đích vay là phục vụ hoạt động đầu tư kinh doanh, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp.
- (ii) Hợp đồng vay tiền số 11.12/2019/TTVTAM-APAXHOLDINGS ngày 11/12/2019 và số 16.12/2019/TTVTAM-APAXHOLDINGS ngày 16/12/2019 với Bà Nguyễn Thị Tâm. Tổng hạn mức vay lần lượt 9.500.000.000 VND và 15.000.000.000 VND, cho vay theo từng lần trong thời hạn 152 ngày kể từ ngày giải ngân với lãi suất 11%/năm, lãi vay thanh toán định kỳ 1 tháng/ lần, mục đích vay là phục vụ hoạt động đầu tư kinh doanh, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp.
- (iii) Ngày 21/06/2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ lần 1 với giá trị 207 tỷ VND trái phiếu có kỳ hạn 5 năm và lãi suất phát hành 5%/năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2018. Trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, việc thực hiện quyền chuyển đổi sẽ thuộc về trái chủ. Trái chủ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

có quyền thực hiện chuyển đổi hoặc không chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ khối lượng trái phiếu đang nắm giữ. Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần, Công ty sẽ thực hiện phát hành cổ phần cho số trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần được phát hành.

**15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Ghi chú (Tiếp theo):

Phương thức tính giá chuyển đổi như sau: giá thực hiện chuyển đổi sẽ được xác định theo công thức sau nhưng không cao hơn giá tham khảo và không thấp hơn giá điều chỉnh:

- Giá tham khảo: giá bình quân của: 1 tháng giao dịch + 1 tuần giao dịch + 1 ngày giao dịch (được xác định trước bằng văn bản) chia cho 3;
- Giá điều chỉnh: 70% của giá tham khảo;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định mức giá chuyển đổi cụ thể tại thời điểm chuyển đổi theo tiêu chí giá tham khảo và giá điều chỉnh như đã nêu trên.

Do trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi sẽ được sử dụng như sau:

- Giải ngân số tiền 188.785.840.000 VND để mua 18.878.584 cổ phiếu Apax English, nâng tổng số cổ phiếu Công ty sở hữu tại Apax English lên 42.169.384 cổ phiếu;
- Bổ sung nguồn vốn lưu động cho các hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings số tiền: 18.214.160.000 VND.

Chi phí phát hành trái phiếu là 2.170.000.000 VND, chi phí này được phân bổ đều vào chi phí hàng năm với thời hạn 05 năm.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 04 năm 2018 thông qua phương án Phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ năm 2018; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ I năm 2019 số 0609/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 09 năm 2019 thông qua việc thay đổi cách tính Giá chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi; Nghị quyết số 210/2019/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc Phê duyệt chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu cho trái chủ, đã thông qua phương án chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu cho trái chủ như sau:

Chuyển đổi 103 trái phiếu (giá trị trái phiếu là 103 tỷ VND) thành 5.133.059 cổ phiếu với giá chuyển đổi 20.066 VND. Tại ngày 11/10/2019, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ thành cổ phiếu theo văn bản số 6152/UBCK-QLCB.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	688.800.000.000	90.074.070.000	79.067.295.584	857.941.365.584
Lãi trong năm	-	-	54.658.497.328	54.658.497.328
Phân phối lợi nhuận	-	-	(68.880.000.000)	(68.880.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>688.800.000.000</b>	<b>90.074.070.000</b>	<b>64.845.792.912</b>	<b>843.719.862.912</b>
Tăng vốn góp trong năm (i)	127.097.350.000	(24.097.350.000)	-	103.000.000.000
Lãi trong năm	-	-	53.895.892.225	53.895.892.225
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	(61.992.000.000)	(61.992.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>815.897.350.000</b>	<b>65.976.720.000</b>	<b>56.749.685.137</b>	<b>938.623.755.137</b>

Ghi chú:

(i) Trong năm, Công ty có các lần tăng giảm vốn như sau:

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2019 của Công ty đã thông qua:

- Phương án chia cổ phiếu thưởng với mục đích: (i) Tăng vốn điều lệ và (ii) Thưởng cho cổ đông đã đóng góp sự phát triển của Công ty trong thời gian qua. Hình thức phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư cổ phần. Số lượng cổ phiếu dự kiến chia thưởng là 7.576.800 cổ phần, tỷ lệ thực hiện quyền là 0,11, số lượng cổ phiếu thực tế chia là 7.576.676 cổ phần.
- Phương án trả cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 9% bằng tiền. Tổng số tiền cổ tức đã thực chi cho các cổ đông trong năm là 61.402.958.865 VND.

Tại ngày 13/06/2019, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo văn bản số 3641/UBCK-QLCB.

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 04 năm 2018 thông qua phương án Phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ năm 2018; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ I năm 2019 số 0609/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 09 năm 2019 thông qua việc thay đổi cách tính Giá chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi; Nghị quyết số 210/2019/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc Phê duyệt chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu cho trái chủ, đã thông qua phương án chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu cho trái chủ như sau: Chuyển đổi 103 trái phiếu (giá trị trái phiếu là 103 tỷ VND) thành 5.133.059 cổ phiếu với giá chuyển đổi 20.066 VND.

Tại ngày 11/10/2019, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ thành cổ phiếu theo văn bản số 6152/UBCK-QLCB.

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	543.899.990.000	490.000.000.000
Các đối tượng khác	271.997.360.000	198.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>815.897.350.000</b>	<b>688.800.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	815.897.350.000	688.800.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	688.800.000.000	688.800.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	127.097.350.000	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	815.897.350.000	688.800.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	61.992.000.000	68.880.000.000

  

d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	81.589.735	68.880.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	81.589.735	68.880.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	81.589.735	68.880.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**17. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý 4 năm 2019	Quý 4 năm 2018
a) Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.910.000.000	30.218.160.754
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (i)	5.910.000.000	30.218.160.754

Ghi chú:

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ trong năm bao gồm doanh thu theo các hợp đồng về dịch vụ tư vấn quản trị, tư vấn xúc tiến thương mại và giới thiệu khách hàng.

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý 4 năm 2019	Quý 4 năm 2018
Giá vốn bán hàng hóa	152.127.272	
Giá vốn cung cấp dịch vụ (i)	929.567.660	310.963.441
<b>Cộng</b>	<b>1.081.694.932</b>	<b>310.963.441</b>

Ghi chú:

- (i) Giá vốn cung cấp dịch vụ là các chi phí phục vụ cho các hoạt động theo các hợp đồng về dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn xúc tiến thương mại và giới thiệu khách hàng. Giá vốn được xác định bằng 60% tổng chi phí tiền lương theo Quyết định số 05-01/2017/QĐ-TGD ngày 05/01/2017 của Tổng Giám đốc Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Quý 4 năm 2019</u>	<u>Quý 4 năm 2018</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	914.774.118	262.682.090
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.325.407.600	
<b>Cộng</b>	<b>7.240.181.718</b>	<b>262.682.090</b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Quý 4 năm 2019</u>	<u>Quý 4 năm 2018</u>
Lãi tiền vay	3.759.292.960	2.676.286.994
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	16.653.984.209	10.181.780.312
Chi phí tài chính khác	944.331.793	108.508.800
<b>Cộng</b>	<b>21.357.608.962</b>	<b>12.966.576.106</b>

**21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Quý 4 năm 2019</u>	<u>Quý 4 năm 2018</u>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	2.290.786.156	1.660.375.929
Chi phí đồ dùng văn phòng	105.159.927	173.999.738
Chi phí khấu hao TSCĐ	25.185.861	97.000.000
Thuế, phí và lệ phí	255.945.640	165.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	972.843.736	318.890.763
Chi phí bằng tiền khác	16.596.820	132.976.747
Chi phí dự phòng	2.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>5.666.518.140</b>	<b>2.548.243.177</b>

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Quý 4 năm 2019</u>	<u>Quý 4 năm 2018</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế Kỳ hiện hành	-	2.931.012.024
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các Kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này		
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>2.931.012.024</b>

Công ty đang xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo số thu nhập chịu thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 sau khi đã loại trừ khoản thu nhập không chịu thuế là 6.325.407.600 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	477.355.001.611	208.083.166.667
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(414.461.715)	(30.043.826.572)
Nợ thuần	476.940.539.896	178.039.340.095
Vốn chủ sở hữu	939.800.398.656	843.719.862.912
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>50,7%</b>	<b>21,1%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	414.461.715	30.043.826.572
Phải thu khách hàng và phải thu khác	57.993.724.409	28.415.174.171
Đầu tư tài chính dài hạn	474.000.000	474.000.000
<b>Cộng</b>	<b>58.882.186.124</b>	<b>58.933.000.743</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	477.355.001.611	208.083.166.667
Phải trả người bán và phải trả khác	100.762.975.272	141.196.774
Chi phí phải trả	4.352.359.042	699.623.288
<b>Cộng</b>	<b>582.470.335.925</b>	<b>208.923.986.729</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Điều hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Điều hành Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Rủi ro thanh khoản**

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	414.461.715	-	414.461.715
Phải thu khách hàng và phải thu khác	57.993.724.409	-	57.993.724.409
Đầu tư tài chính dài hạn	-	474.000.000	474.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>58.408.186.124</b>	<b>474.000.000</b>	<b>58.882.186.124</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Các khoản vay	374.100.000.000	103.255.001.611	477.355.001.611
Phải trả người bán và phải trả khác	100.762.975.272	-	100.762.975.272
Chi phí phải trả	4.352.359.042	-	4.352.359.042
<b>Tổng cộng</b>	<b>479.215.334.314</b>	<b>103.255.001.611</b>	<b>582.470.335.925</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(420.807.148.190)</b>	<b>(102.781.001.611)</b>	<b>(523.588.149.801)</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.043.826.572	-	30.043.826.572
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.415.174.171	-	28.415.174.171
Đầu tư tài chính dài hạn	-	474.000.000	474.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>58.459.000.743</b>	<b>474.000.000</b>	<b>58.933.000.743</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Các khoản vay	3.000.000.000	205.083.166.667	208.083.166.667
Phải trả người bán và phải trả khác	141.196.774	-	141.196.774
Chi phí phải trả	699.623.288	-	699.623.288
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.840.820.062</b>	<b>205.083.166.667</b>	<b>208.923.986.729</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>54.618.180.681</b>	<b>(204.609.166.667)</b>	<b>(149.990.985.986)</b>

Ban Điều hành đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm ngày 31/12/2019 ở mức thấp, theo đó Công ty sẽ có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 - Thông tin về các bên liên quan, Công ty trình bày các thông tin về các nghiệp vụ giao dịch và số dư đối với các bên liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, trên báo cáo tài chính riêng, Công ty không trình bày các thông tin này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**25. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán;



Vũ Cẩm La Hương  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2020

Nguyễn Mạnh Phú  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải  
Người lập

